



Tư tưởng Phật giáo trong giáo hóa tội phạm

ISSN: 2734-9195

09:41 20/05/2025

Vận dụng tư tưởng Phật học để nghiên cứu sự tác động của ý thức xã hội đối với vấn đề tội phạm không chỉ tìm ra nguyên nhân xã hội của vấn đề tội phạm, mà còn là cơ sở khoa học giúp đề ra các biện pháp xã hội nhằm ngăn chặn nguyên nhân phát sinh và phát triển tội phạm.

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm ngày càng gia tăng, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển chung của xã hội. Trong sự gia tăng của tình hình tội phạm nói chung thì tội phạm có tổ chức đang có xu hướng gia tăng mạnh mẽ. Việc đấu tranh phòng, chống tội phạm có tổ chức và ngăn chặn loại hình phạm tội này là hết sức cần thiết.

Thực hiện việc phòng, chống và giáo dục người có nguy cơ phạm tội và người phạm tội sẽ cần nhiều thời gian cùng sự nghiên cứu của nhiều cơ quan ban ngành để có được giải pháp, biện pháp hiệu quả. Tuy nhiên, bài viết chỉ nêu một số quan điểm của Phật giáo về vai trò cũng như ý nghĩa nhân văn của đạo Phật trong việc cảm hóa, giáo dục người lầm lỗi, giúp họ có cơ hội nhận biết sai lầm và sửa đổi, hướng đến đời sống đạo đức và lương thiện.

Định nghĩa tội phạm

Theo khoản 1 Điều 8 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hoá, quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa”.

Tính chất nguy hiểm của tội phạm



Hình mang tính minh họa

Các băng nhóm tội phạm ngày nay hoạt động mang tính chuyên nghiệp, mạnh động, táo bạo, liều lĩnh, quyết liệt. Quá trình phạm tội có phân công vai trò thực hiện chặt chẽ. Các đối tượng chủ mưu, cầm đầu thường không lộ diện mà chỉ đạo thông qua các đối tượng thân tín, qua nhiều tầng nấc, tạo vỏ bọc, chứng cứ ngoại phạm khi tổ chức gây án, gây khó khăn cho công tác điều tra. Hậu quả do hành vi phạm tội có tổ chức gây ra cho xã hội là rất lớn, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và bức xúc trong nhân dân, ảnh hưởng đến chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của đất nước. Ngày nay, người phạm tội ở tuổi vị thành niên ngày càng gia tăng, trở thành mối lo ngại cho các cơ quan chức năng trong việc xử lý, vừa mang tính giáo dục vừa mang tính răn đe.

Những đặc điểm tội phạm

Khi nghiên cứu tội phạm, khoa học Luật Hình sự không chỉ nghiên cứu các yếu tố cấu thành tội phạm (bốn yếu tố cấu thành tội phạm gồm: khách thể, chủ thể, mặt khách quan và mặt chủ quan), mà còn nghiên cứu các đặc điểm của tội phạm.

Căn cứ vào bốn yếu tố cấu thành tội phạm để xác định một hành vi có cấu thành tội phạm hay không, nếu cấu thành tội phạm thì đó là tội gì, còn khi nghiên cứu các đặc điểm của tội phạm là để thấy được tính chất (bản chất) của tội phạm.

Cấu thành tội phạm và các đặc điểm của tội phạm tuy có những nội dung giống nhau, nhưng đặc điểm của tội phạm và cấu thành tội phạm khác nhau ở chỗ:

Đặc điểm của tội phạm là những thuộc tính cơ bản của một khái niệm mà khái niệm ở đây là tội phạm, còn cấu thành tội phạm là kết cấu của một khái niệm (những thiết chế cần và đủ cho một khái niệm).

Một số vấn đề cần lưu ý

Nghiên cứu báo cáo thường niên của Chính phủ về công tác đấu tranh phòng chống tội phạm cho thấy một số vấn đề đáng lưu ý sau đây:

Thứ nhất: Các loại tội phạm nguy hiểm, sử dụng bạo lực, hình thành các băng nhóm hoạt động có tổ chức, tính chất mức độ nguy hiểm, nghiêm trọng có xu hướng gia tăng, có sự móc nối với một số cán bộ, công chức suy thoái về phẩm chất đạo đức.

Thứ hai: Tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài, băng nhóm người nước ngoài hoặc là người Việt cấu kết với các đối tượng người nước ngoài để lừa đảo, buôn bán ma túy, buôn bán người, tổ chức phản động, thù địch, khủng bố.

Thứ ba: Hành vi phạm tội ngày càng mạnh động, tội phạm trong các vụ án mạng do nguyên nhân xã hội chiếm tỷ lệ khá cao, có lúc lên đến khoảng 90%. Có nhiều vụ nguyên nhân rất đơn giản chỉ vì mâu thuẫn, cãi vã, chửi nhau dẫn đến phạm tội, đau lòng hơn là có những vụ người thân trong gia đình sát hại lẫn nhau.

Thứ tư: Tội phạm xảy ra ở mọi lứa tuổi, mọi thành phần trong xã hội, và đáng lưu ý là trong lứa tuổi vị thành niên có xu hướng gia tăng.

Chúng ta khuyến khích làm giàu chính đáng. Những người làm giàu chính đáng, luôn trân trọng thành quả của mình và sử dụng thành quả đó một cách có ý nghĩa. Bên cạnh đó, vẫn có những người làm giàu bất chính, đề cao sự hưởng thụ xa hoa, thực dụng, không có chỗ để cảm nhận cái đẹp, giá trị của cuộc sống, nên coi thường pháp luật. Mặt khác, một bộ phận người dân trong đó có một số người trẻ tuổi, nhận thức lệch lạc về giá trị chân thật, sùng bái vật chất, có lối sống hưởng thụ, coi thường kỷ cương phép nước.

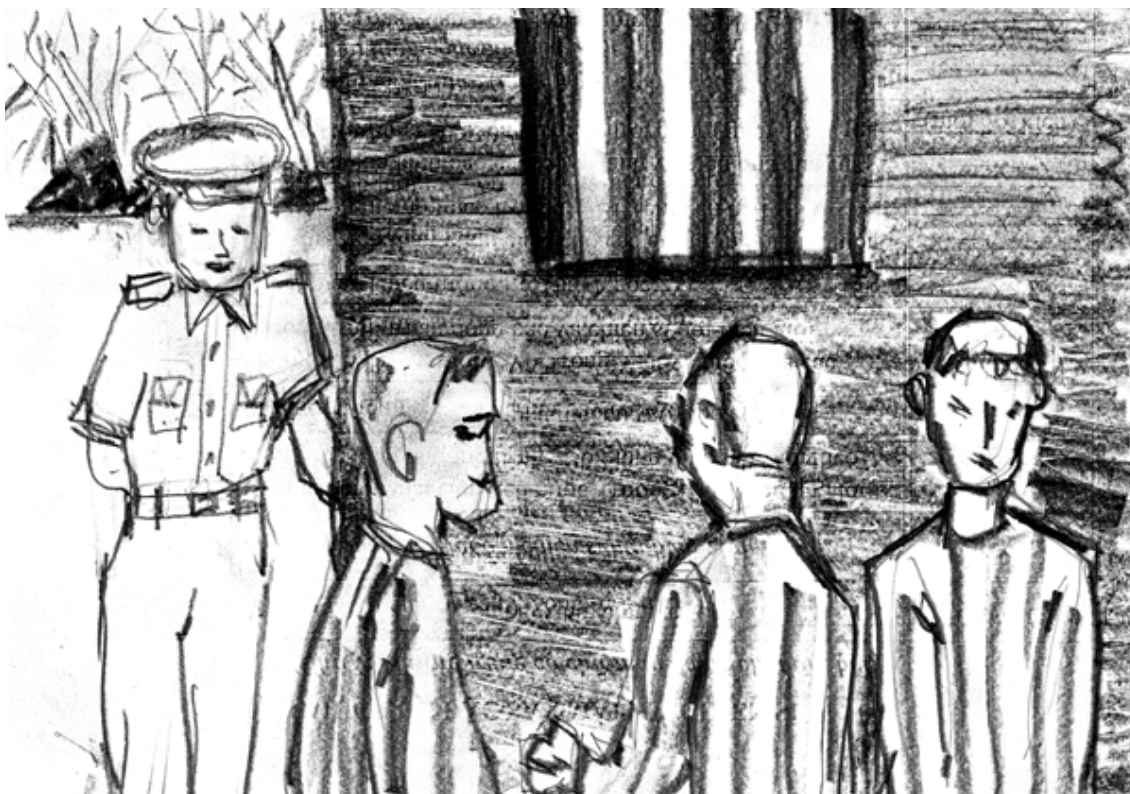
Tình trạng phân hóa giàu nghèo cũng tác động tới cảm nhận. Sự chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng, các nhóm dân cư, vẫn có xu hướng gia tăng, trong khi mạng lưới an sinh xã hội chưa được hoàn chỉnh như mong muốn, là thách thức lớn đối với ổn định xã hội và mang đến những nhân tố gây mất ổn định an ninh trật tự an toàn xã hội. Tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm hoặc việc làm không ổn định cũng có xu hướng gia tăng, nhất là trong thời điểm dịch Covid-19. Theo số liệu cho thấy có khoảng 2/3 lao động ở nông thôn không đủ việc

làm. Tình trạng thiếu việc làm không chỉ diễn ra ở nông thôn mà còn cả ở thành thị, cũng tạo nên những nhân tố gây mất ổn định, hình thành tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật.

Phân tích nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội

Khi nghiên cứu về nguyên nhân của tội phạm, không nên chỉ phân tích các nguyên nhân bên ngoài như nguyên nhân thuộc về kinh tế xã hội; nguyên nhân thuộc về văn hoá, tư tưởng; nguyên nhân thuộc về tổ chức, quản lý xã hội... mà không chú trọng nguyên nhân từ phía người phạm tội (yếu tố sinh học, tâm lý của người phạm tội) cũng như sự tác động của nguyên nhân từ bên ngoài đến quá trình hình thành nhân cách lệch lạc của cá nhân.

Tìm hiểu nguyên nhân của tội phạm đòi hỏi phải tìm hiểu cả nguyên nhân từ phía người phạm tội với những tố chất sinh học và đặc điểm tâm lý riêng biệt cũng như quá trình hình thành nhân cách lệch lạc của họ do chịu sự tác động của môi trường sống.



Hình mang tính minh họa

Hơn nữa, các nguyên nhân phát sinh tội phạm không có vị trí tương đương nhau. Ở vụ án cụ thể, nguyên nhân nào đó có thể giữ vai trò quyết định, còn các nguyên nhân khác chỉ là hỗ trợ, thúc đẩy cho việc thực hiện tội phạm nhưng ở vụ án khác, các nguyên nhân này có thể hoán đổi vị trí cho nhau, một hoặc một số nguyên nhân khác lại giữ vai trò quyết định trong việc phát sinh tội phạm.

Do đó, nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm phải nghiên cứu nguyên nhân bắt nguồn từ phía xã hội và nguyên nhân xuất phát từ cá nhân người phạm tội, sự tác động qua lại giữa các nguyên nhân. Người nghiên cứu cần có cái nhìn toàn diện khi đánh giá về nguyên nhân phát sinh tội phạm, tránh kiểu áp đặt ý chí chủ quan, không dựa trên cơ sở nghiên cứu khách quan. Bên cạnh việc xác định những yếu tố được coi là nguyên nhân của tội phạm, cũng cần làm rõ cơ chế tác động làm phát sinh tội phạm.

Tội phạm phát sinh là kết quả tác động của hàng loạt nguyên nhân. Trong tội phạm học, các nhà khoa học có các cách phân loại nguyên nhân của tội phạm như sau:

Căn cứ vào mức độ tác động của nguyên nhân trong việc làm phát sinh tội phạm, có thể chia nguyên nhân thành nguyên nhân chủ yếu và nguyên nhân thứ yếu.

Nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh tội phạm là những nhân tố đóng vai trò chủ chốt trong việc làm phát sinh tội phạm và những nhân tố này chiếm tỉ lệ đáng kể trong tổng số các nhân tố làm phát sinh tội phạm.

Nguyên nhân thứ yếu làm phát sinh tội phạm là những nhân tố chỉ đóng vai trò hạn chế trong việc làm phát sinh tội phạm và những nhân tố này chiếm tỉ lệ không đáng kể trong tổng số các nhân tố làm phát sinh tội phạm.

Căn cứ vào nguồn gốc xuất hiện, có thể chia nguyên nhân của tội phạm thành nguyên nhân bắt nguồn từ môi trường sống và nguyên nhân xuất phát từ phía người phạm tội.

Nguyên nhân bắt nguồn từ môi trường sống là tổng hợp các nhân tố tiêu cực được hình thành từ môi trường sống của cá nhân có thể tác động, ảnh hưởng đến cá nhân ở mức độ nhất định mà từ đó làm phát sinh tội phạm. Ví dụ : môi trường gia đình không hoàn thiện, môi trường nơi cư trú có nhiều tệ nạn xã hội...

Nguyên nhân xuất phát từ phía người phạm tội là tổng hợp những nhân tố tiêu cực thuộc về nhân thân người phạm tội có thể tác động, ảnh hưởng, dẫn đến việc làm phát sinh tội phạm của người phạm tội. Những nhân tố tiêu cực này có thể là các yếu tố thuộc về sinh học, tâm lý, xã hội, nghề nghiệp của người phạm tội.

Căn cứ vào lĩnh vực hình thành nguyên nhân, có thể chia nguyên nhân của tội phạm thành các nguyên nhân sau:

Nguyên nhân về kinh tế-xã hội: Đây là những nhân tố thuộc về lĩnh vực kinh tế, xã hội có thể tác động làm phát sinh tội phạm như tình trạng thất nghiệp, đói nghèo, tác động của quá trình đô thị và công nghiệp hoá, tác động của quá trình di dân...

Nguyên nhân về văn hoá, giáo dục: Đây có thể là những nhân tố hạn chế trong quá trình quản lý, triển khai thực hiện các chính sách, chương trình về văn hoá, giáo dục có thể tác động, ảnh hưởng làm phát sinh tội phạm. Ví dụ: Nhà trường chưa coi trọng việc giáo dục các em gái biết cách tự bảo vệ bản thân nhằm ngăn chặn hiệu quả tội phạm tình dục.

Nguyên nhân về tổ chức, quản lý: Đây có thể là một số thiếu sót, bất cập trong hoạt động của các cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực nhất định. Thuộc về nguyên nhân này có thể là các nhân tố như: buông lỏng quản lý, đùn đẩy trách nhiệm, không hợp tác trong giải quyết vụ việc...

Nguyên nhân về chính sách, pháp luật: Đây có thể là một số thiếu sót, bất cập của chính sách, pháp luật có thể tác động, ảnh hưởng làm phát sinh tội phạm. Ví dụ như quy định về giải phóng mặt bằng, đền bù đất nông nghiệp còn lỏng lẻo dẫn đến một số cá nhân hoặc doanh nghiệp lợi dụng sơ hở của pháp luật để đền bù không thoả đáng cho một số hộ dân dẫn đến những người này có phản ứng tiêu cực là chống người thi hành công vụ, hoặc quy định quản lý hàng gian, hàng giả chưa chặt chẽ dẫn đến nhiều cơ sở sản xuất hàng giả, hàng kém chất lượng gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

Xác định nguyên nhân trẻ hóa tội phạm

Ngày nay, xu hướng trẻ hóa tội phạm đang là một vấn nạn của gia đình và xã hội. Xác định được nguyên nhân của thực trạng này sẽ góp phần quan trọng trong việc tìm ra những giải pháp hữu hiệu để ngăn ngừa xu hướng trẻ hóa tội phạm trong thời gian tới.

Thứ nhất, sự phát triển tâm lý, sinh lý lứa tuổi: Do sự phát triển về sinh lý cùng những xáo trộn trong đời sống tâm lý của lứa tuổi này nên đã có những ảnh hưởng lệch chuẩn đến hành vi vi phạm pháp luật của thanh thiếu niên.

Tìm hiểu các tài liệu nghiên cứu về tâm sinh lý lứa tuổi, có thể thấy rằng, trong giai đoạn 11 tuổi, 12-17 tuổi và 18 tuổi, đặc biệt là độ tuổi từ 12-15 tuổi thì đời sống tâm lý, sinh lý của lứa tuổi này có sự thay đổi và phát triển khá phức tạp.

Điều này là do sự xuất hiện những yếu tố mới của sự trưởng thành, kết quả của sự biến đổi cơ thể, sự tự ý thức, các mối quan hệ với người lớn, với bạn bè, của hoạt động học tập, hoạt động xã hội... đã tác động đến nhận thức và hành vi

của các em.

Sự phát triển nhanh về thể chất đã ảnh hưởng đến xu hướng thực hiện các hành vi bạo lực khi muốn thể hiện sức mạnh bản thân, suy nghĩ cảm tính, bốc bột, từ đó dễ dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật hình sự như cố ý gây thương tích; chống người thi hành công vụ... Chỉ cần có va chạm nhỏ cũng có thể dẫn đến việc sử dụng hành vi bạo lực để giải quyết và bất chấp những hậu quả nghiêm trọng.



Hình mang tính minh họa

Bên cạnh đó, tâm lý, sinh lý của người chưa thành niên chưa ổn định, nhân cách chưa hoàn thiện, nhận thức về các vấn đề xã hội còn hạn chế, thậm chí sai lệch, dễ bị dụ dỗ, kích động tham gia vào những việc làm sai trái, do đó, người chưa thành niên thường có tính cách nông nổi, hiếu thắng, liều lĩnh trước tác động của ngoại cảnh, có đặc tính tò mò, hiếu kỳ nên dễ bắt chước ngay cả những hành vi sai trái của người khác. Đây là lứa tuổi mà kinh nghiệm sống chưa có hoặc chưa đủ, đặc biệt là khả năng nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế, dễ nảy sinh tội phạm và vi phạm pháp luật.

Thứ hai, về tình cảm: Người chưa thành niên phạm tội thường là người dễ bị các tác động tiêu cực do từng trải qua những bất hạnh trong cuộc sống gia đình (gia đình không hòa thuận, bố mẹ ly hôn, không nơi nương tựa...). Nhiều gia đình chưa quan tâm đúng mức trong việc quản lý, giáo dục con em mình hoặc có những người chưa thành niên gặp rung động đầu đời, dễ bị kích động, bốc bột, dễ thay đổi, do không được gia đình uốn nắn, không có người tư vấn chia sẻ nên dễ dẫn đến những hành vi dại dột.

Thứ ba, về nhận thức: Nguyên nhân chủ yếu gây nên tình trạng gia tăng phạm tội ở người chưa thành niên là do sự nhận thức kém, lệch lạc về đời sống xã hội cũng như thiếu hiểu biết về pháp luật dẫn đến quan điểm phiến diện, thiếu hệ thống. Việc tổ chức quản lý, giáo dục, đạo đức, nhân cách cho học sinh, sinh viên hiệu quả chưa cao. Sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong quản lý, giáo dục học sinh, sinh viên chưa thực sự chặt chẽ, thường xuyên, một số nơi còn mang tính hình thức. Ngoài ra, người chưa thành niên phạm tội thường muốn có những đặc quyền của người lớn nhưng họ lại không hiểu rằng, những quyền lợi này lại gắn liền với trách nhiệm. Đa số người chưa thành niên phạm tội chỉ nhận ra điều này khi họ phải trực tiếp đối mặt với những hậu quả pháp lý được quy định do hành vi nguy hiểm mà bản thân gây ra.

Thứ tư, về nhu cầu, hưởng thụ: Xã hội ngày càng phát triển, con người đầy đủ hơn về vật chất, cùng với đó là các giá trị tinh thần, các dịch vụ giải trí cũng được cải thiện nhằm thỏa mãn nhu cầu của con người. Các ấn phẩm đồi trụy, trò chơi bạo lực trên không gian mạng, game online đã tác động tiêu cực đến thanh, thiếu niên đang trong giai đoạn hình thành nhân cách, phát triển nhận thức.

Khi các nhu cầu ngày càng nhiều, càng cao, con người lại muốn được thỏa mãn nhưng không đủ khả năng. Trong nhiều trường hợp, họ sẽ tìm mọi cách bất chấp đạo đức, bất chấp pháp luật chỉ để thỏa mãn nhu cầu, dục vọng cá nhân. Người chưa thành niên là nhóm người có nhiều nhu cầu nhưng lại ít được đáp ứng, bởi vì ở độ tuổi này, người chưa thành niên trong giai đoạn dậy thì, biến đổi lớn về mặt tâm sinh lý, các nhu cầu gia tăng, nhưng phần lớn họ chưa có khả năng tự chủ về kinh tế để thỏa mãn nhu cầu của mình.

Tư tưởng Phật giáo trong giáo dục tội phạm



Hình mang tính minh họa

Người phạm tội ngày nay không còn là nhóm người ít học, thiếu hiểu biết, khiếm khuyết về hoàn cảnh gia đình mà đối tượng phạm tội vô cùng đa dạng và phức tạp, họ có thể là những người có kiến thức, trình độ cao như nhóm tội phạm công nghệ, tội phạm trên không gian mạng, tội phạm kinh tế với nhiều thủ đoạn tinh vi; những đối tượng là người có chức vụ, quyền hạn, có gia thế, tuy nhiên vì lòng tham muốn quá giới hạn, vì sự chủ quan ỷ lại vào thế lực, họ sa vào vòng vây tội lỗi và trở thành những người phạm tội.

Đạo đức Phật giáo giúp con người hướng thiện

Dưới cái nhìn của đạo Phật, không có từ nào nhất định để định nghĩa hành vi phạm pháp nhưng vài từ có thể dùng đồng nghĩa như: accaya, vajja, aparāḍha, pāpakāni kammāni, dukkaṭa, adhamma, akusala... Khái niệm “hành động” xuất phát từ pāli “nghiệp” (kamma). Mọi hành động mà con người làm hoặc tốt hoặc xấu đều gọi là nghiệp, tốt thì là thiện nghiệp (kusala kamma), xấu là bất thiện nghiệp (akusala kamma). Bất thiện nghiệp là những tạo tác qua thân, khẩu và ý.

Trong số đó, ý nghiệp là chủ của thân và khẩu nghiệp, chúng thường tồn tại thầm lặng, chỉ có bản thân người đó mới biết rõ ý nào khởi lên mà thôi. Cùng với nghĩa hành động, có khái niệm “ý muốn” hay “ý chí” mà đức Phật có nhắc đến: *“Này các tỳ kheo, ý muốn là cái ta gọi là nghiệp. Có ý muốn, một người tạo nghiệp thân khẩu và ý”*. Nghiệp ở đây không chỉ là nghiệp của quá khứ mà vừa quá khứ lẫn hiện tại. Một điểm cần hiểu rằng “tạo tác không cố ý không tạo nên nghiệp vì không có ý muốn”. Cho nên, cetanā và kamma được xem là đồng nghĩa khi một việc được làm do cố ý.

Có 10 loại bất thiện nghiệp: Giết hại chúng sinh đang sống, lấy của không cho, tà dâm, nói dối, nói lời thị phi, nói ác ngữ, nói lời không ích lợi, tham, sân, và si.

Trong số đó, 3 loại đầu thuộc thân nghiệp, 4 loại giữa thuộc khẩu nghiệp và 3 loại cuối thuộc ý nghiệp. 3 thân nghiệp và 4 khẩu nghiệp có thể cấu thành phạm tội. Về tiêu chuẩn hình thành tội, đạo Phật chú trọng vào ý muốn nhiều hơn là sự xảy ra và kết quả trong khi với luật pháp ngoài đời, cả ý muốn và quá trình đều quyết định.

Phật giáo với tinh thần từ bi và trí tuệ, lấy tôn chỉ “phật pháp bất ly thế gian pháp”, luôn đồng hành cùng những thăng trầm của cuộc sống con người. Điều đó thể hiện qua việc Phật giáo truyền tải nguồn năng lượng yêu thương, giáo hóa chúng sinh bằng con đường đạo đức trí tuệ, tự tìm lại chân tâm Phật tính nơi mỗi người.

Đạo đức có thể hiểu theo nhiều nghĩa. Thuật ngữ đạo đức (moral) được đề xuất trong triết học khoảng thế kỷ IV TCN và gắn liền với tên tuổi Aristotle, là thời kỳ người ta quan niệm đạo đức là những chuẩn mực chung nhằm điều chỉnh hành vi con người, để tạo nên mối quan hệ hài hòa giữa người với người, giữa con người với xã hội.

Đạo đức học Phật giáo là hệ thống đạo đức lấy tinh thần vô ngã làm nền tảng, thể hiện nếp sống bình đẳng và chính hạnh, trong đó con người biết tự chủ kiểm chế chính mình và khước từ những dục vọng thế gian. Nhắc đến đạo đức Phật giáo đồng nghĩa với hạnh phúc, hạnh phúc đồng nghĩa với giải thoát. Đạo đức Phật giáo là đạo đức nhân bản, là đạo đức con người, nền tảng đưa đến giải thoát. Vì vậy, đạo đức Phật giáo vượt lên trên các hệ tư tưởng khác, không những xây dựng một con người đức hạnh trong xã hội mà còn nâng con người lên vị trí thánh hiền. Những yếu tố căn bản và đặc điểm của đạo đức học Phật giáo là dựa trên tinh thần tự lực, tự cường, ý thức tự nguyện, tự giác, không phải cầu xin hay cầu nguyện mà có được. Đó là nền đạo đức dựa trên hành động thiết thực, không phải trên lý thuyết, dựa trên thân khẩu ý thanh tịnh, dựa trên nguyên lý duyên sinh, vô ngã. Ngoài ra, đó còn là nền đạo đức tích cực, không phụ thuộc thần thánh, hướng nội và bình đẳng, giải thoát, nhập thế.

Qua những đặc điểm này, chúng ta có thể nhận định đạo đức Phật giáo không những xây dựng nên một con người đức hạnh trong xã hội mà còn là nấc thang đưa hành giả tu tập tiến gần đến cánh cửa Niết Bàn an vui.

Như chúng ta đã biết, trong ngũ giới, Phật giáo cấm sát sinh, thực chất là cấm giết người, cấm giết các sinh vật khác một cách cố ý, đồng thời luôn đề cao và

tôn trọng sự sống. Phật giáo có tư tưởng hòa bình, với tâm từ bi, lương thiện. Tuy nhiên, từ bi của Phật giáo gắn liền với trí, dũng, tức là phân biệt thiện-ác, đúng-sai và dám đấu tranh bảo vệ chính nghĩa.



Hình mang tính minh họa

Trong hoàn cảnh hiện nay, với diễn biến phức tạp của quá trình toàn cầu hóa, bên cạnh những mặt tích cực cũng có mặt tiêu cực, trong đó phải kể đến các bí mật thông tin và đời tư bị xâm phạm; phạm vi và hiệu quả của quyền lực nhà nước bị thu hẹp; bản sắc dân tộc bị xói mòn;... Những biến động mạnh mẽ của xã hội do tác động của quá trình toàn cầu hóa đã ảnh hưởng trực tiếp đến mọi quốc gia, thách thức các giá trị văn hóa, đạo đức truyền thống của các dân tộc.

Do sự thay đổi trong quan niệm về đồng tiền và lợi nhuận đã nảy sinh nhiều cách sống, lối sống xa lạ, trái với thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp các cá nhân và tập thể vì đồng tiền, danh dự mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ cha con, bằng hữu, đồng nghiệp. Thái độ coi thường những giá trị truyền thống và các tệ nạn trong xã hội ngày càng có chiều hướng gia tăng.

Sự phát triển của các phương tiện truyền thông hiện đại một mặt giúp con người mở rộng khả năng nhận thức thế giới và tạo cơ hội giao tiếp, hợp tác lẫn nhau... nhưng mặt khác, lại làm cho mối quan hệ tình cảm, hiểu biết và mối liên hệ cá nhân với cộng đồng trở nên lỏng lẻo. Khi mối quan hệ này suy yếu, trong con người dễ phát sinh tâm lý cô đơn, dần dần sinh ra thái độ thờ ơ, đứng dưng trước nỗi đau khổ hay hạnh phúc của người khác. Chủ nghĩa cá

nhân, lối sống thực dụng đang làm tha hóa một bộ phận tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giới trẻ.

Có thể nói, sự xuống cấp về đạo đức đang trở thành mối quan tâm, lo lắng của toàn xã hội. Nếu những vấn đề về đạo đức, hoàn thiện nhân cách không được chú ý đúng mức thì sự phát triển của xã hội sẽ trở nên lệch lạc, không vững chắc và là một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội.

Đạo Phật đã tạo dựng cho các tín đồ, phật tử niềm tin vào Niết bàn, niềm tin vào luật nhân quả, vô thường, vô ngã...Niềm tin ấy sẽ chi phối ý thức đạo đức của con người, không chỉ ảnh hưởng đối với phật tử mà còn lan tỏa và tác động đến mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội. Điều đó tạo cho con người một sức mạnh tinh thần để vượt qua cám dỗ vật chất, những trắc trở trong cuộc sống, hướng họ vào một lý tưởng sống tốt đẹp, vị tha.

Nói cách khác, niềm tin mà đạo đức Phật giáo tạo dựng đã hình thành trong mỗi người một ý thức hướng thiện, trừ ác, có lối sống khiêm nhường, bác ái và yêu thương đồng loại, chúng sinh. Chính niềm tin ấy là cơ sở tạo nên tính tự giác, tự nguyện và tự do của đạo đức. Tình thương và lòng nhân ái có thể giúp con người hạn chế bớt tính ích kỷ, từ bỏ lòng tham, sân, si - cội rễ của những thói xấu, của những mâu thuẫn, xung đột và bạo hành trong xã hội.

Phật giáo chủ trương khuyến khích những hành vi đạo đức trên cơ sở tình yêu thương và sự hiểu biết. Phật giáo đem lại niềm tin cho con người vào chính bản thân mình.

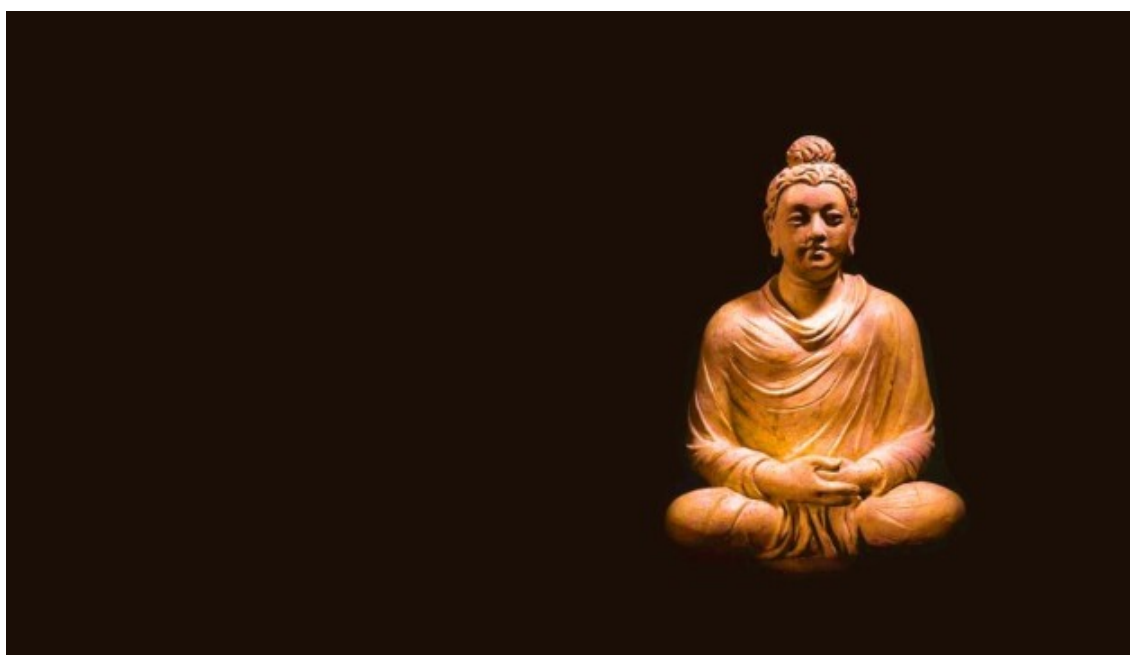
Theo thuyết “Thập nhị nhân duyên”, tất cả những gì nhận được đều là kết quả của những hành động mà mỗi người đã thực hiện trước đó.

Vì vậy, mỗi cá nhân phải luôn ý thức được trách nhiệm của bản thân trong mỗi quyết định, mỗi sự lựa chọn. Để đạt được những thành quả tốt đẹp, con người phải sống tốt, sống thiện, tránh xa và bài trừ cái xấu, cái ác. Trong xã hội, từ lâu đã tồn tại lối suy nghĩ: “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”... Thuyết nhân quả, nghiệp kiếp, luân hồi dường như nhắc nhở người ta phải sống lương thiện để tích đức cho con, cháu, và cả sau khi chết không bị đày xuống địa ngục. Những triết lý đó thấm vào tâm thức người Việt một cách tự nhiên như đời sống, đến nỗi đôi khi người ta không còn phân biệt rằng đó là triết lý của nhà Phật. Từ Phật giáo cũng rút ra nhiều triết lý trong giáo dục đạo đức, bồi dưỡng và điều chỉnh trí tâm của con người mọi lúc, mọi nơi, trong các mối quan hệ và hoàn cảnh khác nhau.

Trong hoạt động kinh tế, một số người vì sự hấp dẫn của đồng tiền, muốn làm ít hưởng nhiều, muốn làm giàu nhanh chóng, đã bất chấp thủ đoạn, coi thường pháp luật, chà đạp nghiêm trọng lên đạo đức, lối sống truyền thống.

Với quan niệm “Thiểu dục tri túc”, Phật giáo đã tác động tới nhân cách, lối sống của các tín đồ, khuyên nhủ họ phải biết cách tiêu dùng của cải vật chất hợp lý, không quá coi trọng tài sản đến mức trở thành nô lệ của vật chất, không vì ham muốn, dục vọng mà giẫm đạp lên hạnh phúc của người khác.

Phật dạy các hàng đệ tử xuất gia phải sống một cuộc đời tri túc để đoạn trừ tận gốc mọi dục vọng, bởi dục vọng chính là thủ phạm gây nên những đau khổ cho bản thân mình và làm tổn thương người khác.



Hình mang tính minh họa

Trong lịch sử, Phật giáo Việt Nam đã có truyền thống nhập thế, gần đạo với đời. Ngày nay, truyền thống ấy vẫn được thể hiện rõ nét qua việc Phật giáo quan tâm nhiều đến các vấn đề mà cuộc sống đang đặt ra về kinh tế, xã hội, giáo dục, tổ chức nhiều hoạt động từ thiện, hướng dẫn tín đồ thực hiện tốt những điều răn dạy trong giáo lý, góp phần không nhỏ trong công cuộc đổi mới đất nước.

Trong đời sống thế tục, Phật giáo chú trọng đến các khía cạnh đạo đức xã hội, không chỉ trên lý thuyết mà bằng hành động thực tiễn và có ảnh hưởng khác nhau đối với mỗi nhóm người khác nhau. Vai trò của Phật giáo đối với việc xây dựng đạo đức con người thể hiện trước hết ở sự định hướng, giáo dục con người theo những chuẩn mực, quy tắc đạo đức tốt đẹp, trong đó có “thiện tâm” hay tính hướng thiện và tư tưởng bác ái. Điều này phù hợp với mục tiêu xây dựng con người mới và một xã hội dân chủ, văn minh.

Đạo Phật là con đường giúp ta ngộ ra bản chất của thiện ác, nguồn gốc của mọi đau khổ và hướng ta đi đến đức lành giải thoát. Mà đạo nào thì cũng phải lấy đức làm chuẩn, nếu tâm đức mà không có đạo làm bệ đỡ thì nó cũng lênh đênh trôi nổi, sa vào mê tín dị đoan, huyền hoặc cho mình và người một cách hết sức tai hại. Vì lòng tham không đáy, ngã mạn vô chừng, dục vọng miên man truyền kiếp.

Thông điệp đầu tiên của đạo Phật là hình ảnh một em bé bước đi trên bảy tòa sen, cũng là hình ảnh khi đức Phật Đản sinh. Đó là hình ảnh những bước đi thanh tịnh vô nhiễm, tâm không có sự phân biệt, chất chứa. Và em bé đó đã thốt lên: “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn”. Sự tôn quý mà đức Phật tuyên bố là sự tôn quý của bậc giác ngộ và sự giác ngộ, của cái Tâm rỗng suốt thấy được tính Không đồng thời thấy được tính toàn hảo của chính mình và thế giới, từ đó Người đã hướng dẫn chúng sinh giải thoát đau khổ.

Lợi ích của Sám hối trong đạo Phật

Đức Phật dạy “Trên đời có hai hạng người đáng quý nhất, một là người không mắc phải lỗi lầm gì, hai là người có lỗi nhưng biết sai và sửa chữa”. Đã là người phạm thì ít nhiều chúng ta thường mắc phải những lỗi lầm trong cuộc sống, vì vậy trong đạo Phật có pháp Sám hối. Lợi ích này vào thời đức Phật có thể thấy rõ qua hình ảnh của vua A Xà Thế vốn mang tội ngũ nghịch vì giết cha. Nhưng nhờ đức Phật giáo hóa, nhà vua đã biết ăn năn hối cải, sám hối trước đức Phật và hóa giải được những sân hận trong lòng mình.

Vì thế, vua A Xà Thế sau đó đã quy y Tam Bảo, trở thành phật tử tại gia, phụng hành chính pháp, làm nhiều phước thiện để chuyển hóa nghiệp xấu.

Hình ảnh tướng cướp Angulimala Vô Não là minh chứng diệt trừ những tính xấu, ngăn chặn những lỗi mới phát sinh trong tương lai. Vì sự hiểu lầm và nghe lời xúi giục của kẻ xấu mà ông Angulimala, từ một dòng dõi quý tộc đáng kính trở thành một tướng cướp khát máu, giết người không ghê tay để đạt được 1.000 ngón tay. Khi đã lấy được 999 ngón tay, vì do duyên lành kiếp trước, ông đã gặp được đức Phật. Nhờ vào lòng từ bi và đức hạnh cao quý, đức Phật đã giáo hóa và xóa sạch sự vô minh đang hiện diện trong ý nghĩ của ông, khiến ông quay đầu và trở thành một bậc cao tăng sau nhiều năm tu hành. Có thể nói, nếu không gặp được Phật, nếu Vô Não không nhận ra lỗi sai thì ông sẽ tiếp tục làm những tội ác hại mạng người.

Triết lý nhân bản trong đạo Phật

Đạo Phật không khuyến khích chúng ta chỉ trích mà là chỉ lỗi, bởi chỉ trích là công kích, rêu rao lỗi lầm người khác cho nhiều người biết, làm họ bị tổn thương và mất uy tín trong khi chỉ lỗi mang tính từ bi và mong muốn giúp người khác nhìn thấy cái sai, sửa đổi thành cái đúng, không bị phạm lại lỗi lầm.

Đạo Phật cũng không ủng hộ việc bỏ mặc người khác khi thấy họ phạm sai lầm, mặc dù đạo Phật thường dạy con người “chỉ nhìn lỗi mình, không nhìn lỗi người” nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta sống vô cảm trước lỗi lầm người khác và thờ ơ trước sự xuống cấp đạo đức xã hội, vì thế đạo Phật dạy con người về nhân quả để cảnh báo chúng ta tránh gieo tội ác. Đức Phật nói rằng chỉ có luật nhân quả là tốt nhất và công bằng nhất vì nó không chịu bất kỳ sự can thiệp của bất cứ cá nhân nào, Thượng đế hay đấng tạo hóa nào theo quan niệm của các tôn giáo khác

Về phía đạo Phật, như đã đề cập ở trên, luôn nhấn mạnh tâm hành chịu trách nhiệm cho nghiệp. Một ý muốn xấu ác luôn đi kèm với tâm sở bất thiện gọi là akusala cetasikas và những phiền não (kilesas), đặc biệt là tham, sân và si. Chúng gây ra hành động phạm pháp một cách trực tiếp hay gián tiếp dù nặng hay nhẹ. Có 3 cấp bậc của phiền não: thái quá, bùng phát và ngủ ngầm. Chúng rất mạnh và khó bị phát hiện nếu không có sự hiểu biết sâu sắc và chính niệm. Vì thế nên chúng rất nguy hại, khó tránh khỏi phạm tội nếu không nhận ra và kiểm chế kịp thời.

Nhìn thấy những điều đó, đạo Phật đã giúp con người hướng đến Tứ vô lượng tâm (Tỳ-Bì-Hỷ-Xả) để thoát ra khỏi sự ràng buộc của mọi tình cảm, thương ghét, giận hờn, ty hiềm, kiêu căng, nghi ngờ, ngã mạn trong thế giới phàm phu, phá vỡ mọi tà kiến, thân kiến, chấp kiến. Càng trau dồi tâm thì sẽ càng rộng lớn và sự hiểu biết của ta càng phát triển, từ đó ta mới thực hiện tâm vô ngã.

Vô lượng tâm còn có nghĩa là đẳng tâm, là tâm bình đẳng (xem người và vật như nhau), không so đo cao thấp, sang hèn, không định kiến. Do trau dồi tâm bình đẳng mà làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh thoát khổ, nên tâm này có công năng mang lại cho chúng sanh vô lượng phước báu.

Giải pháp trị liệu đối với người phạm tội

Muốn thoát khỏi khổ đau, chúng ta phải sửa đổi cách nhìn, cách sống sao cho đúng đắn. Đặc biệt với các phạm nhân, việc giúp họ thay đổi thân và tâm gọi là tâm lý trị liệu.

Tiêu chí chính của việc đưa vào áp dụng tâm lý trị liệu là để giúp cho phạm nhân trở nên tốt hơn và ít khổ đau khi sống ở các trại giam (địa ngục trần gian).

Nhìn chung có hai phương pháp trị liệu: Tư vấn và thực hành.

Tư vấn là một dạng trị liệu thảo luận mà trong đó, nhà tư vấn nhận làm vai trò tích cực để hỗ trợ khách hàng giải quyết các vấn đề của họ, hoặc là một tổ chức bao gồm các dịch vụ hướng dẫn khác nhau nhằm giúp đỡ cho thân chủ các vấn đề cá nhân, giáo dục và hướng nghiệp. Đức Phật nói rằng tính cách của một người không chỉ là đạo đức hay cá tính của người đó mà gồm cả chính trực, dũng cảm, và trí tuệ.

Về phần thực hành, có 2 cách hành thiền: Thiền chỉ (Samantha) – phát triển tĩnh lặng để đạt nhất tâm, và thiền quán (Vipassana) hay còn gọi là Thiền Minh Sát để phát triển trí tuệ. Trong thực hành, cả 2 cách trên có thể được thực tập riêng lẻ hoặc theo thứ tự (thiền chỉ trước, thiền quán sau). Đối với các phạm nhân, thanh lọc và làm lắng dịu tâm trạng không ổn định là điều cần thiết trước nhất. Một khi tâm của họ kiên cố, trong sáng và tĩnh lặng, họ sẽ sẵn sàng nhận ra được chân lý và thay đổi cái nhìn.

Bằng những phẩm chất đó, phạm nhân sẽ trải nghiệm sự bình an và nội lực thật sự. Khi họ sống với nội lực đó, họ có thể từ bỏ những việc làm và thói quen xấu (ví dụ như uống rượu hay dùng chất kích thích). Kết quả là sau khi mãn hạn tù, họ có thể trở về cuộc sống bình thường mà không gặp khó khăn. Đó là thành công của việc ứng dụng thiền định. Hơn nữa, đối với mỗi tính người khác nhau, đề mục hành thiền khác nhau được đề cập trong giáo lý nhà Phật. Điều đó chứng tỏ rằng đức Phật không chỉ đưa ra lý thuyết suông mà còn hướng dẫn cụ thể cách thực tập để đạt được bình an hạnh phúc thật sự ngay trong kiếp sống này. Đó là lý do vì sao giáo lý Phật Đà được xem là hiện thực và hữu ích cho tất cả mọi người.

Bên cạnh đó, việc đưa giáo pháp của đức Phật vào các trại giam thông qua những buổi thuyết pháp cho phạm nhân là điều cần thiết, bởi có không ít người mong muốn tìm đến Phật pháp khi cuộc sống không còn được tự do; cung cấp Kinh sách Phật giáo cho phạm nhân để giúp họ hướng thiện và bớt đi cảm giác buồn lo, căng thẳng. Khi người thi hành án đã mãn hạn tù, trở về với cộng đồng thì nên khuyến khích họ tiếp tục tìm hiểu về Phật pháp bằng cách nghe các bài giảng của các tăng, ni; tham gia các hoạt động công quả, tu tập tại các Tự viện. Nhà nước cũng cần có những hoạt động nhằm đưa nội dung Phật pháp đến với người tái hòa nhập cộng đồng để hướng họ đến đời sống từ bi, an lạc.

Kết luận

Sự thay đổi của tồn tại xã hội và ý thức xã hội sẽ làm cho tình hình tội phạm biến đổi cả về tình trạng lẫn động thái. Theo đó, vận dụng tư tưởng Phật học để

nghiên cứu sự tác động của ý thức xã hội đối với vấn đề tội phạm không chỉ giúp ta tìm ra nguyên nhân xã hội của vấn đề tội phạm, mà còn là cơ sở khoa học giúp chúng ta đề ra các biện pháp xã hội nhằm ngăn chặn nguyên nhân phát sinh và phát triển tội phạm.

Ngày nay, công tác phòng ngừa và giáo dục là nhiệm vụ cần được thực hiện một cách chặt chẽ, kịp thời. Điều đó quan trọng hơn là giải quyết hậu quả của những việc đã xảy ra. Theo đó, công việc này đòi hỏi sự hợp tác của toàn xã hội, không chỉ riêng một ngành chức năng nào vì đó là trách nhiệm và là lợi ích cho toàn thể cộng đồng. Thêm vào đó, đạo Phật ngày nay được xem là một trong những tôn giáo góp phần xây dựng hòa bình và hạnh phúc thế giới. Nên các tăng, ni, cư sĩ, phật tử nên tích cực hơn trong sự nghiệp hoằng pháp, hội nhập xã hội và giảng giải giáo lý cho chúng sinh, đặc biệt là người phạm tội để giúp họ có một tinh thần bình an, thoát khỏi tự ti mặc cảm, rời bỏ thói xấu, hướng đến đời sống lương thiện, hòa nhập cộng đồng. Vận động chức sắc, chức việc, đồng bào phật tử tham gia các phong trào xã hội ở địa phương, chấp hành tốt chính sách pháp luật, chung tay tham gia phòng chống tội phạm, giữ gìn an ninh trật tự, lan tỏa lối sống nhân văn, tốt đời đẹp đạo.

Tác giả: **Võ Đào Phương Trâm**

Nguồn tham khảo, trích dẫn:

[1] Nguyễn Thảo, *Phòng ngừa, đấu tranh với nhóm thanh, thiếu niên sử dụng vũ khí, hung khí nguy hiểm*, Báo Công an Nhân dân điện tử.

[2] Tô Văn Tám, *Một số vấn đề về tình hình tội phạm hiện nay*, danbieudancukontum.

[3] Phạm Nhật Thăng, *Nguyên nhân dẫn đến tội phạm*, Công ty Luật TNHH Everest.

[4] Nguyễn Khắc Hải (2013), *Nhận diện tội phạm có tổ chức*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học, Tập 29, Số 4, Trang. 30 – 43.

[5] *Phòng ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật - Thực trạng và giải pháp*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Tr. 70.

[6] Đoàn Văn Báu (2017), *Nguyên nhân tâm lý nảy sinh hành vi vi phạm pháp luật hình sự của người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Giải pháp phòng ngừa người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, Đồng Nai.

- [7] Trần Quang Thông, Hoàng Minh Đức (2017), *Tư pháp hình sự người chưa thành niên ở Việt Nam hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (Chuyên khảo), NXB Công an Nhân dân, Tr. 14 - 15.
- [8] Nguyễn Minh Đức (2014), *Nguyên nhân, điều kiện người chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự và giải pháp phòng ngừa*, NXB Tư pháp, Tr. 45.
- [9] Nguyễn Thị Hà (2021), *Ảnh hưởng của môi trường sống đến hành vi phạm tội của người chưa thành niên*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số 120, Tr. 90.
- [10] Nhiều tác giả (1995), *Đạo đức học Phật giáo*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Tr. 19.
- [11] Nguyễn Thế Nghĩa (2002), Doãn Chính, *Lịch sử Triết học*, Tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, Tr. 246.
- [12] Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB văn học, Hà Nội, Tr. 39.
- [13] GS.TS. Nguyễn Văn Khánh, Nguyễn Thùy Giang, *Đạo đức Phật giáo với việc giáo dục con người hướng thiện*, Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQGHN.
- [14] Nguyễn Hùng Hậu (2002), *Đại cương Triết học Phật giáo Việt Nam*, Tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, Tr. 397.
- [15] Trần Văn Giàu (1993), *Đạo đức Phật giáo trong thời hiện đại*, NXB TP. Hồ Chí Minh, Tr. 15.
- [16] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, Tr. 14.
- [17] Nguyễn Thế Nghĩa, Doãn Chính (2002), *Lịch sử triết học*, Tập I, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, Tr. 246.
- [18] Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB Văn Học, Hà Nội, Tr. 39.
- [19] Thượng toạ ThS. Thích Thiện Hạnh (2013), *Phật giáo giáo dục con người sống có đạo đức*, Tạp Chí Nghiên Cứu Phật Học số tháng 11.
- [20] GS.TS. Nguyễn Thiện Phú, *Phân biệt yếu tố nạn nhân của tội phạm với yếu tố tình huống trong một vụ phạm tội*, Tạp chí Cảnh sát Nhân dân, Csnd.vn.
- [21] *Chỉ trích và chỉ lỗi*, Phathoc.

[22] Nguyen Trinh Thi Ai Lien, *Tâm lý trị liệu dành cho tâm lý tội phạm từ quan điểm Phật giáo*.

[23] Sông Thương, *Hiệu quả mô hình sư sãi và Phật tử Sóc Trăng tham gia phòng chống tội phạm*, Báo Công an Nhân dân điện tử.

[24] Lê Bá Đức, Phạm Quỳnh Hương, *Nguyên nhân, điều kiện phạm tội của người chưa thành niên và giải pháp phòng ngừa*, Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử.

[25] Nhiều tác giả, *Bốn yếu tố cấu thành tội phạm*, Học viện Báo chí Truyền thông.

[26] Luật sư Phạm Thị Phương Thanh, *Tư tưởng Phật giáo trong nghiên cứu tội phạm học*, Luật Minh Khuê.

[27] Sa môn Chơn Như (2001), *Tứ Vô Lượng Tâm*, thichthonglac.com